



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 16 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 840 trẻ (Trung tâm: 441; Hải Đông: 399trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					15.181.500		7.954.000		7.227.500
1	Khoai tây	30.000	Kg	14,5	435.000	8	240.000	6,5	195.000
2	Rau mùi	85.000	Kg	1,4	119.000	0,8	68.000	0,6	51.000
3	Trứng chim cút	90.000	Kg	35	3.150.000	18	1.620.000	17	1.530.000
4	Hành khô	60.000	Kg	0,8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
5	Ngô ngọt	35.000	Kg	10	350.000	5	175.000	5	175.000
6	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	1,5	75.000	1	50.000	0,5	25.000
7	Tôm nõn	220.000	Kg	5	1.100.000	2,5	550.000	2,5	550.000
8	Nước cốt dừa	150.000	Kg	0,5	75.000	0,25	37.500	0,25	37.500
9	Hành lá	45.000	Kg	2,1	94.500	1,1	49.500	1	45.000
10	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	39,5	5.135.000	20	2.600.000	19,5	2.535.000
11	Xương lợn	85.000	Kg	18	1.530.000	9	765.000	9	765.000
12	Bí đỏ	30.000	Kg	11,5	345.000	6	180.000	5,5	165.000
13	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	4	2.200.000	2,4	1.320.000	1,6	880.000
14	Cà rốt	30.000	Kg	5	150.000	2,5	75.000	2,5	75.000
15	Gói gia vị Aji-Quich	250.000	Kg	1,5	375.000	0,8	200.000	0,7	175.000
Nhóm xuất kho					4.575.000		2.417.500		2.157.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	78,5	1.570.000	40	800.000	38,5	770.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muôi iốt tinh	15.000	Kg	1	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	6	360.000	3	180.000	3	180.000
5	Đường kính	30.000	Kg	1	30.000	0,5	15.000	0,5	15.000
6	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	11	2.530.000	6	1.380.000	5	1.150.000
Tổng chi					19.756.500		10.371.500		9.385.000
Tổng thu					19.756.800		10.372.320		9.384.480
Tồn ngày hôm trước					3.460		100		3.360
Thừa (Thiếu)					3.760		920		2.840

840 23.520

441

399

tổng	HY	HĐ
300	820	-520